

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – ĐỀ THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 11****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****TRƯỜNG THCS VÀ THPT****NGUYỄN BÌNH KHIÊM****CẦU GIẤY****KIỂM TRA HỌC KÌ II – KHỐI****11**

Năm học 2019 – 2020

Môn: Văn

Thời gian làm bài: 120 phút

I. ĐỌC HIỂU: (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Người có tính khiêm tốn thường hay cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa. (1)

Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi. (2)

Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người. Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời”. (3)

(Trích **Tinh hoa xử thế**, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70-71)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Anh/chị nêu nội dung của văn bản đọc hiểu trên.

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất (1)?

Câu 4: Cảm nhận của anh/chị về thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc bằng đoạn văn 5 – 7 dòng.

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý kiến sau: *“Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời”*.

Câu 2 (5.0 điểm): Cảm nhận của anh/chị về bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” – Hàn Mặc Tử.

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,

Có trở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra...

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?

Đáp án đề 2

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần I. Đọc hiểu

1.

* **Phương pháp:** Căn cứ vào các phương thức biểu đạt đã học: Miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ.

* **Cách giải:**

- Phương thức biểu đạt: nghị luận

2.

* **Phương pháp:** phân tích, tổng hợp

* **Cách giải**

- Khẳng định tầm quan trọng của đức tính khiêm tốn trong cuộc sống.

3.

* **Phương pháp:** phân tích, tổng hợp

* **Cách giải:**

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê các biểu hiện của khiêm tốn: tự cho mình là kém, phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, học hỏi thêm,...

- Tác dụng của biện pháp liệt kê: Diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những biểu hiện của đức tính khiêm tốn.

4.

Học sinh rút ra thông điệp sau khi đọc đoạn trích:

Có thể trình bày theo hướng:

- Đoạn trích là bài học sâu sắc giúp ta hiểu rằng: khiêm tốn là phẩm chất tốt đẹp, cao quý của con người.

- Muốn thành công trên con đường đời, mỗi người cần trang bị lòng khiêm tốn.

Phần II. Làm văn

Câu 1:

* **Phương pháp:** Phân tích, tổng hợp

* **Gợi ý:**

1. Giải thích

- Khiêm tốn là đức tính nhã nhặn, nhún nhường, không đề cao cái mình có và luôn coi trọng người khác.

- Thành công là đạt được kết quả như mong muốn, thực hiện được mục tiêu đề ra.

→ Khiêm tốn là điều không thể thiếu giúp con người thành công trong cuộc sống.

2. Phân tích

- Con người phải luôn khiêm tốn vì: cá nhân dù có tài năng đến đâu cũng chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Phải luôn học nữa, học mãi.

- Khiêm tốn là phẩm chất quan trọng và cần thiết của con người:

+ Khiêm tốn là biểu hiện của con người đứng đắn, biết nhìn ra trông rộng, được mọi người yêu quý.

+ Khiêm tốn giúp con người biết mình và hiểu người.

3. Bàn luận, mở rộng

- Khiêm tốn không có nghĩa là mặc cảm, tự ti, thiếu tự tin

4. Bài học và liên hệ bản thân

- Trân trọng những người khiêm tốn. Phê phán những người thiếu khiêm tốn: luôn tự cao, tự đại, cho mình là nhất mà coi thường người khác.

- Học lối sống khiêm tốn để ngày càng hoàn thiện mình và không ngừng phấn đấu vươn lên để đạt được thành công trong cuộc sống.

Câu 2:

* Phương pháp:

- Phân tích (Phân tích đề để xác định thể loại, yêu cầu, phạm vi dẫn chứng).

- Sử dụng các thao tác lập luận (phân tích, tổng hợp, bàn luận,...) để tạo lập một văn bản nghị luận văn học.

* Cách giải:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:**1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

- Giới thiệu tác giả Hàn Mặc Tử
- Giới thiệu chung về tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ* (vị trí, hoàn cảnh sáng tác)

2. Phân tích**a. Khổ 1: Cảnh thôn Vĩ và hi vọng hạnh phúc của thi nhân**

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ”

- Hai cách hiểu:

+ Đó là lời của người con gái thôn Vĩ Dạ với giọng hờn giận, trách móc nhẹ nhàng. Nhân vật “anh” chính là Hàn Mặc Tử.

+ Có thể hiểu đây là lời của Hàn Mặc Tử, Hàn Mặc Tử phân thân và tự hỏi chính mình.

→ Câu thơ mở đầu có chức năng như lời dẫn dắt, giới thiệu người đọc đến với thôn Vĩ của người con gái mà thi nhân thương nhớ.

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”

- “*Nắng mới lên*”: nắng đầu tiên của ngày mới, ấm áp, trong trẻo, tinh khiết.

- “*Nắng hàng cau*”: cây cau là cây cao nhất trong vườn, được đón nhận ánh nắng đầu tiên

→ Nắng mới buổi sớm, trong trẻo, tinh khôi

“Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”

- “*Mướt*”: ánh lên vẻ mượt mà, óng ả, tràn đầy nhựa sống

- “*Xanh như ngọc*”: màu xanh sáng ngời, long lanh

→ Cả vườn Vĩ như được tắm gội bởi sương đêm, đang chìm trong giấc ngủ thì được đánh thức và bừng lên trong ánh nắng hồng ban mai. Nắng mai rót vào khu vườn, cứ đầy dần lên theo từng đọt cau. Đến khi ngập tràn, thì nó biến cả khu vườn thành một đảo ngọc, vừa thanh khiết, vừa cao sang.

→ Bức tranh thôn Mĩ hiện lên thật đẹp, thơ mộng.

- Sự xuất hiện của con người thôn Vĩ:

“*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*”

- “*Mặt chữ điền*”: Theo quan niệm người Huế, mặt chữ điền là khuôn mặt đẹp, phúc hậu.

- “*Lá trúc che ngang*”: gợi vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng của người con gái Huế.

→ Hình ảnh thơ được miêu tả theo hướng cách điệu hóa, chỉ gợi lên vẻ đẹp của con người, không chỉ rõ là ai cụ thể. Ở đây, thiên nhiên và con người hòa hợp trong vẻ đẹp kín đáo, trữ tình.

→ Niềm vui khi nhận được tín hiệu tình cảm của người thiếu nữ, hy vọng lóe sáng về tình yêu, hạnh phúc.

b. Khổ 2: Cảnh xứ Huế và dự cảm hạnh phúc chia lìa

“*Gió theo lối gió, mây đường mây*”

Nghệ thuật:

- Cách ngắt nhịp 4/3

- Tiểu đối

→ Thông thường, gió và mây là hai sự vật không thể tách rời, “gió thổi mây bay” nhưng tác giả lại miêu tả mây và gió có sự chia tách → Gợi tả một không gian chia lìa, đôi đường đôi ngả.

“Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay”

- Nghệ thuật: nhân hóa

- “Lay”: Sự chuyển động nhẹ, khẽ

- Nhịp điệu thơ chậm rãi

→ Bức tranh thiên nhiên ảm đạm, hắt hiu, thưa vắng, gợi tâm trạng buồn đau, nặng trĩu tâm tư của tác giả.

“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay”

- “Sông trăng” là hình ảnh sáng tạo thắm mỹ độc đáo, mới mẻ của Hàn Mặc Tử, một dòng sông lấp lánh đầy ánh trăng.

- Trong ca dao và thơ văn xưa nay, “thuyền” và “bến”, “trăng” là những hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho người con trai, người con gái trong tình yêu.

- Câu hỏi tu từ kết hợp với đại từ phiếm chỉ “ai” gợi sự mơ hồ bất định, tâm trạng lo âu, khắc khoải, trăn trở của tác giả.

→ Thuyền chở trăng là thuyền chở tình yêu, hạnh phúc của thi nhân. Bến trăng là bến bờ hạnh phúc. Liệu con thuyền tình yêu có vượt thời gian để “kịp” cập bến bờ hạnh phúc hay không? Câu hỏi chất chứa bao niềm khắc khoải, sự chờ đợi mòn mỏi tình yêu, hạnh phúc của thi nhân, ẩn trong đó là sự hồ nghi, thất vọng.

c. Khổ 3: Sự tuyệt vọng của thi nhân

“Mơ khách đường xa, khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra”

- “Khách đường xa”: Có thể hiểu là người ở thôn Vĩ Dạ, cũng có thể là chính nhà thơ. Điệp từ “*khách đường xa*” gợi sự xa xôi, cách trở

- “*Áo em*”: áo của người con gái xứ Huế

- “*Trắng quá nhìn không ra*”: Thi nhân đang sống trong ảo giác, mộng tưởng, không phải nhìn bằng mắt thường

- “*Sương khói mờ nhân ảnh*”: Cảnh vật và con người mờ ảo

→ Hiện thực hư ảo, mờ nhòe, càng lúc càng chìm dần vào cõi mộng. Thi nhân cảm nhận rõ nét khoảng cách xa xôi, cái hư ảo càng ngày càng rõ của tình yêu, hạnh phúc.

3. Kết luận

- Khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm